



xiào fú

校服

noun · school uniform

Example Sentences

xué shēng měi tiān chuān xiào fú
学 生 每 天 穿 校 服。

Students wear school uniforms every day.

zhè tào xiào fú shì lán sè de
这 套 校 服 是 蓝 色 的。

This school uniform is blue.

xiào fú xū yào měi zhōu xǐ yī cì
校 服 需 要 每 周 洗 一 次。

The school uniform needs to be washed once a week.

Trace each character, then write the word on your own.

校	校	校	校	校	校	校	校	校	校	校
校	校									
服	服	服	服	服	服	服	服	服	服	服